TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:49 /2021/DS-ST
Ngày: 28/9/2021.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Phúc**

Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Xuân Tùng**

- Ông **Huỳnh Tiễn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu (Số 344A Lê Thanh Nghị, quận Hải Châu) thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 03 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-DS ngày 19/07/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/QĐST-DS ngày 27/07/2021, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP A. Địa chỉ: Đường M, phường N, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quốc B, ông Lê Đình H. Địa chỉ: Đường M, phường N, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền số 74/2021/UQ – BVB ngày 08/03/2021). Ông Lê Quốc B có mặt, ông Lê Đình H vắng mặt.

***Bị đơn:** Bà Nguyễn Phương H. Địa chỉ: Đường M, phường N , quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ông Nguyễn Dũng L. Trú tại: Đường M, phường N, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/03/2021 của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP A trình bày:*

Ngày 05/12/2019 Ngân hàng TMCP A có ký với bà Nguyễn Phương H hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0461900159000. Theo đó Ngân hàng

TMCP A cho vay với chi tiết sau:

+ Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0461900159000 ngày 05/12/2019.

- Hạn mức tín dụng: 1.000.000.000 đồng.
- Mục đích vay: vay bù đắp chi phí sửa chữa nhà.
- Thời hạn vay: 180 tháng.
- Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng 12 tháng đầu: 12%/năm.

Thực hiện hợp đồng ngày 05/12/2019 Ngân hàng TMCP A đã giải ngân khoản vay cho bà Nguyễn Phương H số tiền 1.000.000.000 đồng (theo giấy nợ số 0461900159000001 ngày 05/12/2019).

Để đảm bảo khoản vay này bà Nguyễn Phương H đã ký với Ngân hàng TMCP A thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng số 0461900158900 ngày 05/12/2019 đối với bất động sản tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Lô 70 khu B1 – 15 Hoàng Tích Trí, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 200564, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CTs 161674 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/06/2018 đứng tên bà Nguyễn Phương H.

Ngoài ra Ngân hàng TMCP A và bà Nguyễn Phương H còn ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 13/12/2018, theo đó Ngân hàng TMCP A đã cấp hạn mức tín dụng cho bà Nguyễn Phương H số tiền: 40.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà Nguyễn Phương H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo nội dung cam kết thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Ngân hàng TMCP A đã nhiều lần làm việc với bà H để đôn đốc bà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bà H vẫn thực hiện không đầy đủ.

Nay Ngân hàng Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Phương H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày: 03/03/2021 là: 1.106.176.755 đồng. Trong đó:

- Đối với hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0461900159000 ngày 05/12/2019: Tiền nợ gốc: 961.080.000 đồng, lãi trong hạn: 77.519.435 đồng, lãi phạt chậm lãi: 2.243.992 đồng, lãi quá hạn: 2.423.444 đồng. Tổng cộng: 1.043.266.871 đồng.
- Đối với giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 13/12/2018: Tiền nợ gốc: 40.497.554 đồng, lãi: 13.148.925 đồng, phí: 9.263.405 đồng. Tổng cộng: 62.909.884 đồng.

Yêu cầu bà Nguyễn Phương H phải chịu toàn bộ tiền lãi, phí/phạt phát sinh kể từ ngày 04/03/2021 theo mức lãi suất được quy định trong các hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bà Nguyễn Phương H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ dư nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp

tài sản số 0461900158900 ngày 05/12/2019 đối với bất động sản tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Lô 70 khu B1 – 15 Hoàng Tích Trí, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 200564, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CTs 161674 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/06/2018 đứng tên bà Nguyễn Phương H.

Tại phiên tòa, phía Ngân hàng TMCP A yêu cầu bà Nguyễn Phương H phải thanh toán nợ vay tạm tính đến ngày 23/9/2021 tổng số tiền: 1.225.372.691 đồng. Trong đó:

- Đối với hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0461900159000 ngày 05/12/2019: Tiền nợ gốc: 961.080.000 đồng, lãi trong hạn: 6.555.335, lãi phạt chậm trả: 17.176.418 đồng, lãi quá hạn: 136.212.315 đồng. Tổng cộng: 1.121.024.068 đồng.
- Đối với giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 13/12/2018: Tiền nợ gốc: 40.497.554 đồng, nợ lãi: 28.022.523 đồng, phí: 35.828.546 đồng. Tổng cộng: 104.348.623 đồng.

Yêu cầu bà Nguyễn Phương H tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay từ ngày 24/9/2021 cho đến khi bà Nguyễn Phương H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Bản Việt; Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bà Nguyễn Phương H không thanh toán nợ cho ngân hàng và chi phí xem xét thực tế.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Phương H trình bày: Tôi Nguyễn Phương H có ký với Ngân hàng TMCP A 01 hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0461900159000 ngày 05/12/2019 và 01 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 13/12/2018. Tính đến ngày 03/03/2021, khoản vay của tôi phát sinh từ các giao dịch tín dụng nói trên tổng cộng là: 1.106.176.755 đồng. Trong đó:

- Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0461900159000 ngày 05/12/2019 tổng số tiền còn nợ là: 1.043.176.266.871 đồng.
- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 13/12/2018 tổng cộng là: 62.909.884 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, tôi có ký tại Ngân hàng 01 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0461900158900 ngày 05/12/2019 đối với bất động sản tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Lô 70 khu B1 – 15 Hoàng Tích Trí, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 200564, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CTs 161674 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/06/2018 đứng tên bà Nguyễn Phương H.

Hiện nay ngân hàng khởi kiện, do điều kiện làm ăn gặp khó khăn nên tôi đề nghị ngân hàng tạo điều kiện về thời gian để thực hiện nghĩa vụ trả nợ sau ngày

15/05/2021.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Về chấp hành pháp luật tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Phương H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Dũng L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Phương H và ông Nguyễn Dũng L.

[2] Về nội dung:

Đối với quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Phương H phải trả nợ cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0461900159000 ngày 05/12/2019 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 13/12/2018. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng*".

Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Phương H phải thanh toán nợ vay tạm tính đến 23/9/2021 tổng số tiền: 1.225.372.691 đồng. Trong đó:

- Đối với hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0461900159000 ngày 05/12/2019: Tiền nợ gốc: 961.080.000 đồng, lãi trong hạn: 6.555.335, lãi phạt chậm trả: 17.176.418 đồng, lãi quá hạn: 136.212.315 đồng. Tổng cộng: 1.121.024.068 đồng.
- Đối với giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 13/12/2018: Tiền nợ gốc: 40.497.554 đồng, nợ lãi: 28.022.523 đồng, phí: 35.828.546 đồng. Tổng cộng: 104.348.623 đồng.

Yêu cầu bà Nguyễn Phương H tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay từ ngày 24/9/2021 cho đến khi bà Nguyễn Phương H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP A; Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bà

Nguyễn Phương H không thanh toán nợ cho ngân hàng và chi phí xem xét thực tế.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy:

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và thừa nhận của các bên đương sự thì thấy giữa Ngân hàng TMCP A và bà Phương H có ký kết các hợp đồng tín dụng vay mượn, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0461900159000 ngày 05/12/2019: Hạn mức tín dụng: 1.000.000.000 đồng, Mục đích vay: Vay bù đắp chi phí sửa chữa nhà, Thời hạn vay: 180 tháng, Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng 12 tháng đầu: 12%/năm, hợp đồng vay có bảo đảm.

+ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 13/12/2018: Hạn mức vay: 40.000.000 đồng, mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân, Hợp đồng vay không có bảo đảm.

Thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, ngày 05/12/2019 Ngân hàng TMCP A đã giải ngân khoản vay cho bà Nguyễn Phương H số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy nợ số 0461900159000001 ngày 05/12/2019 và cấp thẻ tín dụng hạn mức 40.000.000 đồng cho bà Nguyễn Phương H ngày 13/12/2018.

[4] Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng trên phía bà Nguyễn Phương H đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Phía ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu bà Nguyễn Phương H thực hiện việc trả nợ, nhưng đến nay bà Nguyễn Phương H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn bà Nguyễn Phương H cũng xác nhận đúng số nợ như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía Ngân hàng TMCP Bản Việt đối với bà Nguyễn Phương H.

[5] Đối với tài sản thế chấp: Để đảm bảo khoản vay cho Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0461900159000 ngày 05/12/2019, bà Nguyễn Phương H đã dùng tài sản của bà Hạnh là thửa đất số 87, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Lô 70 khu B1 – 15 Hoàng Tích Trí, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 200564, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CTs 161674 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/06/2018 đứng tên bà Nguyễn Phương H để thế chấp cho Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0461900159000 ngày 05/12/2019 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0461900158900 ngày 05/12/2019. Do đó, trong trường hợp bà Nguyễn Phương Hạnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì phát mại tài sản trên để ngân hàng thu hồi nợ cho hợp đồng tín dụng trên.

(Qua xem xét thực tế, thì hiện nay trên thửa đất số 87, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Lô 70 khu B1 – 15 Hoàng Tích Trí, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng có 01 ngôi nhà trên đất, có kết cấu nhà cấp 4, kết cấu tường xây, mái lợp tôn, nền gạch hoa, có 01 gác lửng đổ sàn. Theo bà H trình bày thì trong ngôi nhà trên bà H có cho em ruột là ông Nguyễn Dũng L ở. Tại bản cam kết

bảo đảm bằng tài sản ngày 05/12/2019 bà Nguyễn Phương H xác nhận và cam kết với ngân hàng: "*Công trình trên đất nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp được dùng để bảo đảm cho các nghĩa vụ với ngân hàng (các nghĩa vụ được bảo đảm đã quy định tại hợp đồng thế chấp*)… *Ngân hàng cũng được toàn quyền xử lý đối với công trình trên đất theo các phương thức đã thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp*...").

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm: 48.761.181 đồng bị đơn bà Nguyễn Phương H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền: 2.000.000 đồng bà Nguyễn Phương H phải chịu. Do Ngân hàng TMCP A đã tạm ứng chi phí nên bà Nguyễn Phương H phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Bản Việt số tiền: 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 91; khoản 15 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng.
- Áp dụng Điều 401, 402, 405, 463, 466 Bộ luật dân sự.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng*" của Ngân hàng TMCP A đối với bà Nguyễn Phương H.

Xử:

Buộc bà Nguyễn Phương H phải trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền tính đến 23/9/2021 là: 1.225.372.691 (*một tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi hai ngàn, sáu trăm chín mốt đồng*).

(Trong đó: Đối với hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0461900159000 ngày 05/12/2019: Tiền nợ gốc: 961.080.000 đồng, lãi trong hạn: 6.555.335, lãi phạt chậm trả: 17.176.418 đồng, lãi quá hạn: 136.212.315 đồng. Đối với giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 13/12/2018: Tiền nợ gốc: 40.497.554 đồng, nợ lãi: 28.022.523 đồng, phí: 35.828.546 đồng).

Trường hợp bà Nguyễn Phương H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP A thì phát mại tài sản thửa đất số 87, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Lô 70 khu B1 – 15 Hoàng Tích Trí, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 200564, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CTs 161674 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/06/2018 đứng tên bà Nguyễn Phương H để ngân hàng thu hồi nợ cho hợp đồng tín dụng số: 0461900159000 ngày 05/12/2019 theo hợp đồng thế chấp quyền

sử dụng đất số 0461900158900 ngày 05/12/2019.

(Qua xem xét thực tế, thì hiện nay trên thửa đất số 87, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Lô 70 khu B1 – 15 Hoàng Tích Trí, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng có 01 ngôi nhà trên đất, có kết cấu nhà cấp 4, kết cấu tường xây, mái lợp tôn, nền gạch hoa, có 01 gác lửng đổ sàn. Theo bà H trình bày thì trong ngôi nhà trên bà H có cho em ruột là ông Nguyễn Dũng L ở. Tại bản cam kết bảo đảm bằng tài sản ngày 05/12/2019 bà Nguyễn Phương H xác nhận và cam kết với ngân hàng: "*Công trình trên đất nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp được dùng để bảo đảm cho các nghĩa vụ với ngân hàng (các nghĩa vụ được bảo đảm đã quy định tại hợp đồng thế chấp*)… *Ngân hàng cũng được toàn quyền xử lý đối với công trình trên đất theo các phương thức đã thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp*...").

2. Kể từ ngày 24/09/2021 bà Nguyễn Phương H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0461900159000 ngày 05/12/2019 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 13/12/2018 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm: 48.761.181 đồng bà Nguyễn Phương H phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP A đã nộp là: 21.649.003 đồng theo biên lai thu số 0005331 ngày 25/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền: 2.000.000 đồng bà Nguyễn Phương H phải chịu. Do Ngân hàng TMCP A đã tạm ứng chi phí nên bà Nguyễn Phương H phải trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền: 2.000.000 đồng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu.
- Chi cục THADS quận Hải Châu.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRƯƠNG THANH PHÚC